TÁC ĐỘNG CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 99/2014/NĐ-CP ĐẾN HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TẠI ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Trần Thị Hồng[1]
Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên

Tóm tắt:

Bài viết tập trung làm rõ thực trạng tác động của Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 20/10/2014 đến hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) qua hai đơn vị đại học thành viên của Đại học Thái Nguyên sau khi áp dụng Nghị định. Từ đó, đề xuất một số khuyến nghị nhằm hạn chế những tác động không mong muốn của Nghị định, để thúc đẩy hoạt động KH&CN trong trường đại học trong thời gian tới.

Từ khóa: *Chính sách KH&CN; Hoạt động KH&CN; Trường đại học.*

Mã số: *17082501*

1. Mở đầu

Vai trò và vị trí của giáo dục đại học (GDĐH) nói chung và các trường đại học (ĐH) nói riêng ngày càng trở nên quan trọng. Các trường ĐH không chỉ có vai trò chủ chốt trong lĩnh vực đào tạo nhân lực KH&CN trình độ cao mà thực sự đã và đang trở thành các trung tâm nghiên cứu lớn về sản xuất tri thức mới và phát triển chuyển giao công nghệ (CGCN) hiện đại, góp phần phát triển bền vững. Các trường ĐH đã thực hiện được một khối lượng lớn các nhiệm vụ KH&CN thông qua các đề tài, dự án, chương trình KH&CN cũng như các đơn đặt hàng từ doanh nghiệp. Mặc dù, đã đạt được những thành tích đáng kể nhưng hoạt động KH&CN của các trường ĐH còn tồn tại những bất cập, thể hiện ở trình độ nghiên cứu còn thấp, giá trị các nghiên cứu chưa cao, nội dung còn nghèo nàn, đặc biệt kết quả công bố bài báo trên các tạp chí quốc tế uy tín còn khá khiêm tốn. Để thúc đẩy hoạt động KH&CN trong trường ĐH, ngày 25/10/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 99/2014/NĐ-CP quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KH&CN trong các cơ sở GDĐH (sau đây gọi tắt là Nghị định 99). Nghị định 99 tập trung vào hai nội dung: *Một là*, đầu tư tiềm lực con người, cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài chính cho hoạt động KH&CN. *Hai là*, khuyến khích giảng viên tham gia hoạt động NCKH. Cho

[1] Liên hệ tác giả: hong151283@gmail.com

đến nay, Nghị định 99 đã có hiệu lực được gần 3 năm, nên việc đánh giá những tác động của Nghị định đối với hoạt động KH&CN trong trường ĐH là hết sức cần thiết, nhằm điều chỉnh các tác động không mong muốn và phát huy những tác động tích cực của Nghị định, góp phần đem lại những kết quả như mục tiêu đặt ra.

2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu

2.1. Nội dung nghiên cứu

Nghiên cứu đánh giá tác động của Nghị định 99 đến hoạt động KH&CN trong trường đại học thông qua hai trường đại học thành viên của Đại học Thái Nguyên sau khi áp dụng Nghị định.

Đề xuất một số khuyến nghị nhằm khắc phục những tác động còn mang tính cản trở của Nghị định 99 đến việc phát triển hoạt động KH&CN trong trường đại học.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cơ bản: Phương pháp phân tích và tổng hợp; Phương pháp phỏng vấn sâu. Cụ thể tác giả đã tiến hành phỏng vấn một số cán bộ làm công tác quản lý về hoạt động KH&CN và một số giảng viên để thấy được thực trạng về đối tượng thụ hưởng trực tiếp từ quy định của Nghị định 99. Để có một bức tranh cụ thể về tình hình hoạt động KH&CN của trường ĐH và kết quả hoạt động KH&CN sau khi áp dụng Nghị định 99, tác giả đã lựa chọn hai trường ĐH thành viên của Đại học Thái Nguyên để khảo sát gồm: Trường Đại học Nông Lâm (ĐHNL), đơn vị có thế mạnh về nghiên cứu ứng dụng ở lĩnh vực nông-lâm-ngư nghiệp; Trường Đại học Sư phạm (ĐHSP), đơn vị có thế mạnh về nghiên cứu cơ bản ở lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Quá trình triển khai Nghị định số 99/2014/NĐ-CP tại Trường Đại học Nông Lâm và Trường Đại học Sư phạm

Theo kết quả khảo sát của tác giả tại Trường ĐHNL và Trường ĐHSP cho thấy, trên cơ sở pháp lý của Nghị định 99 cả hai Trường đã có sự sửa đổi, bổ sung văn bản quy định về công tác quản lý KH&CN của đơn vị, đặc biệt, có bổ sung thêm điều khoản hỗ trợ công bố các bài báo khoa học cho giảng viên mà Nghị định 99 quy định.

Tại Quyết định số 744/QĐ-ĐHNL ngày 29/6/2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên quy định quản lý nhiệm vụ KH&CN theo

đặt hàng của Trường ĐHNL có nêu: Nếu đề tài đặt hàng tạo ra sản phẩm là bài báo khoa học đăng tải trên tạp chí quốc tế, căn cứ vào chỉ số IF (Impact Factor) của Tạp chí, nhà trường sẽ cấp kinh phí như sau: Bài báo công bố trên tạp chí thuộc danh mục ISI, SCI, SCIE, SSCI, A&CI: Hệ số IF>3: 30.000.000VNĐ/bài; Hệ số 3>IF>2: 20.000.000VNĐ/bài; Hệ số >2>IF>1: 10.000.000VNĐ/bài; Hệ số IF<1: 5.000.000VNĐ/ bài. Bài báo công bố trên tạp chí thuộc danh mục SCOPUS: Hệ số IF>3: 25.000.000VNĐ/bài; Hệ số 3>IF>2: 10.000.000VNĐ/bài; Hệ số 2>IF>1: 5.000.000VNĐ/bài; Hệ số IF<1: 3.000.000VNĐ/bài. Tại Quyết định số 646/QĐ-ĐHNL ngày 31/5/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHNL về việc ban hành Quy định về công tác quản lý hoạt động KH&CN của Trường ĐHNL có nêu kinh phí dành cho đề tài NCKH cấp trường, gồm: Trích từ 3% nguồn thu học phí và 5% nguồn thu hợp pháp của nhà trường.

Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên cũng đã ban hành Quyết định số 3463/QĐ-QLKH ngày 31/12/2012 về quy định công tác quản lý KH&CN. Tại Quyết định số 498/QĐ-ĐHSP ngày 26/02/2016 quy định về quy chế chi tiêu nội bộ năm 2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP, đã có nhiều điều khoản về hoạt động KH&CN được thay đổi (chẳng hạn: quy định khen thưởng KH&CN dành cho giảng viên và sinh viên, hỗ trợ công bố các bài báo khoa học, hỗ trợ giảng viên đi báo cáo và tham dự hội thảo khoa học, hỗ trợ kinh phí cho cán bộ có trình độ cao). Cụ thể, mức hỗ trợ được quy định như sau: giảng viên được hỗ trợ kinh phí cho các bài báo khoa học đã công bố với định mức như sau:

- Tạp chí khoa học (có chỉ số ISSN) của các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu và tương đương: 300.000 VNĐ/bài; Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế có phản biện: 500.000 VNĐ/bài;
- Tạp chí khoa học chuyên ngành Trung ương (được hội đồng chức danh GS, PGS tính tối thiểu 0,75 điểm): 1.000.000 VNĐ/bài; Tạp chí khoa học quốc tế: 5.000.000 VNĐ/bài; Tạp chí khoa học nằm trong danh mục SCI-E: 10.000.000VNĐ/bài; Tạp chí khoa học nằm trong danh mục SCI, SSCI, A&HCI: 15.000.000VNĐ/bài.

Việc xây dựng mức hỗ trợ và áp dụng mức hỗ trợ này vào thực tế đã có những tác động mạnh mẽ đến hoạt động NCKH của đội ngũ giảng viên của cả hai Trường. Các mức chi hỗ trợ đều được sử dụng từ 5% nguồn thu hợp pháp của trường được giữ lại để phục vụ hoạt động KH&CN theo quy định của Nghị định 99.

Kết quả khảo sát cho thấy, khó khăn lớn nhất trong quá trình triển khai Nghị định 99 trên thực tế là không có thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định. "*Do hiện nay chưa có thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định nên ĐHTN không có căn cứ để hướng dẫn cụ thể, chi tiết các cơ sở GDĐH*

thành viên thực hiện Nghị định số 99/2014/NĐ-CP. Các cơ sở GDĐH thành viên của ĐHTN phải tự nghiên cứu rồi áp dụng tùy tình hình thực tế của đơn vị mình" (Ý kiến của một cán bộ quản lý hoạt động KH&CN của Đại học Thái Nguyên). Hay *"vì phải tự tìm hiểu, tự nghiên cứu nên lúc đầu Trường chúng tôi rất lúng túng và gặp phải nhiều khó khăn trong quá trình triển khai, do không hiểu nguồn kinh phí hợp pháp có nghĩa là như thế nào, trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi cũng đã vận dụng tốt các quy định của Nghị định vào thực tiễn" (*Ý kiến của một cán bộ quản lý hoạt động KH&CN tại trường ĐHNL).

3.2. Kết quả hoạt động KH&CN tại Trường Đại học Sư phạm và Trường Đại học Nông Lâm sau khi áp dụng Nghị định số 99/2014/NĐ-CP

3.2.1. Kết quả hoạt động KH&CN tại Trường Đại học Sư phạm

Đối với việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp

Sau khi áp dụng Nghị định 99, hoạt động KH&CN của Trường ĐHSP có xu hướng tăng tỷ trọng đề tài lớn nhưng không nhiều, phần nào phản ánh được năng lực của đội ngũ giảng viên trong việc tham gia tuyển chọn đề tài cấp quốc gia. Việc số lượng đề tài cấp Bộ giảm là do Bộ dần cắt giảm kinh phí dành cho các đề tài cấp Bộ từ năm 2015. ĐHTN cũng có chủ trương phân cấp quản lý đề tài cấp ĐH cho các cơ sở GDĐH, trong đó có Trường ĐHSP. Điều đó được thể hiện ở Bảng 1 dưới đây:

Bảng 1. Số lượng nhiệm vụ KH&CN các cấp của Trường Đại học Sư phạm sau áp dụng Nghị định 99

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Tăng, giảm so với 2015	
					Số lượng	%
1	Đề tài NCKH cấp Quốc gia	ĐT	01	02	+1	+100
2	Đề tài NCKH cấp Bộ	ĐT	12	07	-5	-51,7
3	Đề tài NCKH cấp ĐH	ĐT	12	11	-1	- 9,7
4	Đề tài NCKH cấp cơ sở	ĐT	14	26	+ 12	+14,2

Nguồn: Báo cáo tổng kết hoạt động KH&CN của Trường ĐHSP giai đoạn 2010 -2016

Đối với kết quả hoạt động CGCN sau khi áp dụng Nghị định 99

Sau khi áp dụng Nghị định 99, hoạt động CGCN của Trường ĐHSP cũng có chuyển biến rõ rệt, thể hiện số lượng đề tài được CGCN năm sau tăng so với năm trước. Cụ thể: Năm 2015, Trường ĐHSP đã thực hiện chuyển giao kết quả nghiên cứu của 02 đề tài cấp tỉnh với tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên, với kinh phí lần lượt là 1,291 tỷ VNĐ và 120 triệu VNĐ. Năm 2016, thực hiện chuyển giao 03 đề tài với kinh phí 189,37 triệu VNĐ;

253,96 triệu VNĐ và 145,44 triệu VNĐ *(Theo báo cáo kết quả hoạt động KH&CN của Trường ĐHSP).*

Đối với kết quả công bố bài báo sau khi áp dụng Nghị định

Công bố bài báo trên tạp chí trong nước và quốc tế của Trường ĐHSP có xu hướng tăng lên đáng kể. Trong đó, công bố quốc tế tăng vượt mức 50% so với năm trước. Tỷ trọng công bố bài báo quốc tế của Trường ĐHSP tăng sau khi áp dụng Nghị định 99, phần nào phản ánh tác động tích cực của Nghị định 99 đến hoạt động KH&CN của Trường ĐHSP, được thể hiện ở Bảng 2 dưới đây.

Bảng 2. Số bài báo khoa học của Trường Đại học Sư phạm sau khi áp dụng Nghị định 99

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Tăng, giảm so với năm 2015	
					Số lượng	%
1	Tạp chí trong nước	BB	171	189	+18	+10,2
2	Tạp chí nước ngoài	BB	14	21	+ 7	+50

Nguồn: Báo cáo tổng kết hoạt động KH&CN của Trường ĐHSP giai đoạn 2010 -2016

Kinh phí hỗ trợ cho hoạt động KH&CN và công bố bài báo sau khi áp dụng Nghị định 99

Có thể nhận thấy, kinh phí hỗ trợ thực hiện đề tài NCKH các cấp và hỗ trợ công bố bài báo của Trường ĐHSP tăng lên đáng kể. Nếu năm 2015, tổng chi cho hoạt động NCKH của cán bộ, giảng viên là 2 tỷ 860 triệu VNĐ, (trong đó: từ NSNN là 2 tỷ 201 triệu VNĐ; từ 5% nguồn thu hợp pháp giữ lại là: 650 triệu VNĐ). Năm 2016, tổng mức chi hỗ trợ thực hiện đề tài NCKH các cấp của cán bộ, giảng viên là: 6 tỷ 199 triệu VNĐ (trong đó: NSNN là 5 tỷ 733 triệu VNĐ; từ 5% nguồn thu hợp pháp giữ lại là 466 triệu VNĐ), được thể hiện ở Bảng 3 dưới đây.

Bảng 3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ NCKH của Trường Đại học Sư phạm

đơn vị: tỷ VNĐ

Nguồn kinh phí	Năm	
	2015	2016
Tổng kinh phí NCKH	**2,860**	**6,199**
- Từ ngân sách Nhà nước	2,201	5,733
- Từ nguồn khác	650	466

Nguồn: Báo cáo tổng kết hoạt động KH&CN của Trường ĐHSP giai đoạn 2010 -2016

Mức chi hỗ trợ công bố bài báo trong nước và quốc tế năm 2015 là 300 triệu VNĐ (được lấy từ 5% nguồn thu hợp pháp được giữ lại). Năm 2016, mức chi hỗ trợ công bố bài báo là 500 triệu VNĐ (trích từ 5% nguồn thu hợp pháp giữ lại là 250 triệu VNĐ).

3.2.2. Kết quả hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Nông Lâm

Có thể thấy, hoạt động KH&CN của ĐHNL sau khi áp dụng Nghị định 99 đã có sự chuyển biến cả về số lượng và chất lượng các đề tài, dự án, chương trình, hàm lượng khoa học trong các đề tài và dự án chuyển giao công nghệ ngày càng tăng.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp

Số lượng đề tài cấp ĐH giảm đáng kể là do ĐHTN không còn cấp kinh phí cho đề tài cấp ĐH; Đề tài cấp Quốc gia giảm 01 đề tài so với năm trước; Đề tài cấp Bộ tăng là do Trường ĐHNL đã bám sát và thực hiện tốt các kế hoạch hoạt động KH&CN của các Bộ; Đề tài cấp cơ sở đều tăng, do Trường ĐHNL có ưu tiên đối với đề tài NCKH cấp cơ sở nhằm giải quyết vấn đề thực tiễn gắn với nhà trường, được thể hiện ở Bảng 4 dưới đây.

Bảng 4. Số lượng nhiệm vụ KH&CN các cấp sau khi áp dụng Nghị định 99 của Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

TT	Nội dung	ĐT	Năm 2015	Năm 2016	Tăng, giảm so với năm 2015	
					Số lượng	%
1	Đề tài NCKH cấp Quốc gia	ĐT	08	7	-1	-12,5
2	Đề tài NCKH cấp Bộ	ĐT	14	17	+3	+21,4
3	Đề tài NCKH cấp ĐH	ĐT	20	3	-17	- 50
4	Đề tài NCKH cấp cơ sở	ĐT	29	40	+ 21	+37,9

Nguồn: Báo cáo tổng kết hoạt động KH&CN của trường ĐHNL giai đoạn 2010-2016

Kết quả hoạt động CGCN của Trường ĐHNL

Hoạt động CGCN của trường ĐHNL đã có chuyển biến rõ rệt. Năm 2016, các chương trình chuyển giao KH&CN do Trường quản lý trực tiếp có tổng kinh phí hơn 13 tỷ VNĐ, tăng hơn 7 tỷ VNĐ so với năm 2015. Có thể nói đây chính là điểm nổi bật, có ý nghĩa rất lớn cho việc đưa những kết quả NCKH của Trường đến với các địa phương nói riêng và các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc nói chung. Các chương trình CGCN với địa phương của Trường đều đã được các địa phương đánh giá cao, có ý nghĩa thiết thực với sản xuất, góp

phần phát triển kinh tế tại địa phương các tỉnh vùng trung du, miền núi phía Bắc, điều đó được thể hiện ở Bảng 5 dưới đây.

Bảng 5. Kết quả CGCN sau khi áp dụng Nghị định 99 của Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Tăng, giảm so với năm 2015	
					Số lượng	%
I	***Chương trình chuyển giao***					
1	Số địa phương nhận chuyển giao	ĐP	31	36	+5	+16,1
2	Chương trình chuyển giao do Trường trực tiếp quản lý	CT	15	26	+11	+73,3
3	Chương trình chuyển giao của Viện và Trung tâm	CT	23	19	-4	-17,4
	Tổng số chương trình	CT	38	45	+7	+18,4
II	***Kinh phí của chương trình chuyển giao***					
1	Chương trình chuyển giao do Trường trực tiếp quản lý	Tr.đ	5.694,96	13.202	+7.507	+132
2	Chương trình chuyển giao của Viện và Trung tâm	Tr.đ	15.319	19.847	+4.049	+26,4
	Tổng số kinh phí	Tr.đ	21.013,96	33.049	+12.035,04	+57

Nguồn: Báo cáo tổng kết hoạt động KH&CN của Trường ĐHNL giai đoạn 2010-2016

Kết quả công bố bài báo sau khi áp dụng Nghị định 99

Sau khi áp dụng Nghị định 99 thì số lượng công bố bài báo khoa học trong nước cũng như quốc tế của Trường ĐHNL tăng đáng kể. Đối với công bố trong nước từ 89 bài năm 2015 lên đến 147 bài năm 2016, tăng 58 bài (tăng 65,2%). Còn công bố quốc tế từ 29 bài năm 2015 lên 48 bài năm 2016, tăng 65,5%, được thể hiện ở Bảng 6 dưới đây.

Bảng 6. Kết quả công bố quốc tế sau khi áp dụng Nghị định 99 của Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Tăng, giảm so với 2015	
					Số lượng	%
1	Tạp chí trong nước	BB	89	147	+ 58	+ 65,2
2	Tạp chí nước ngoài	BB	29	48	+ 19	+ 65,5

Nguồn: Báo cáo tổng kết hoạt động KH&CN của Trường ĐHNL giai đoạn 2010-2016

Kinh phí cho hoạt động KH&CN sau khi áp dụng Nghị định 99

Năm 2015, tổng nguồn kinh phí dành cho đề tài NCKH các cấp đã tăng lên đáng kể so với năm 2014 (tăng 13,5%), cụ thể: năm 2014 là gần 9,6 tỷ VNĐ cấp cho 121 đề tài các cấp (trong đó ngân sách nhà nước là 9,0 tỷ VNĐ ngân sách khác là 567 triệu VNĐ); năm 2015 chi 13 tỷ 526 triệu VNĐ cho 126 đề tài các cấp (trong đó: có hơn 8,9 tỷ VNĐ từ ngân sách Nhà nước, hơn 4,6 tỷ VNĐ từ nguồn ngân sách khác, hơn 147 triệu VNĐ từ cá nhân); Năm 2016 là 18 tỷ 626 triệu VNĐ cho 120 đề tài các cấp (trong đó gần 13 tỷ VNĐ từ ngân sách Nhà nước, 5,6 tỷ VNĐ từ nguồn ngân sách khác, 180 triệu VNĐ từ cá nhân), được thể hiện ở Bảng 7 dưới đây.

Bảng 7. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ NCKH của Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên sau khi áp dụng Nghị định 99

đơn vị: triệu VNĐ

Nguồn kinh phí	Năm	
	2015	**2016**
Tổng kinh phí NCKH	**13.529**	**18. 626**
- Từ ngân sách Nhà nước	8.929	12. 846
- Từ nguồn khác	4.600	5.600
- Từ cá nhân	147,9	180

Nguồn: Báo cáo tổng kết hoạt động KH&CN của Trường ĐHNL giai đoạn 2010-2016

Sở dĩ có sự tăng lên về kinh phí dành cho nhiệm vụ KH&CN các cấp của Trường ĐHNL là do: *Thứ nhất*, do kinh phí đề tài cấp Bộ tăng; *Thứ hai*, từ nguồn kinh phí trích 5% cho hoạt động NCKH và 3% hoạt động NCKH của người học theo Nghị định 99; *Thứ ba*, nguồn kinh phí NCKH huy động từ các cá nhân chủ nhiệm đề tài.

Tóm lại, thông qua nghiên cứu hai trong số các cơ sở giáo dục đại học thành viên của Đại học Thái Nguyên là Trường ĐHSP và Trường ĐHNL cho thấy, Nghị định 99 đã có những tác động tích cực trong việc thúc đẩy hoạt động KH&CN trong trường ĐH, đặc biệt là hoạt động công bố bài báo quốc tế của đội ngũ cán bộ, giảng viên. Nghị định 99 đã góp phần làm cho hoạt động KH&CN ở chu kỳ sau được nâng cao hơn về chất lượng, về sự đầu tư và cả về số lượng các sản phẩm khoa học so với hoạt động KH&CN ở chu kỳ trước.

3.3. Đánh giá tác động của Nghị định số 99/2014/NĐ-CP đến hoạt động khoa học và công nghệ trong trường đại học

3.3.1. Những tác động tích cực của Nghị định số 99/2014/NĐ-CP

Thứ nhất, Nghị định 99 được ban hành đã góp phần tăng số lượng công bố bài báo quốc tế của các trường ĐH trong cả nước. Như đã biết, số lượng bài

báo khoa học được công bố trên những tạp chí quốc tế uy tín và số lần trích dẫn của những bài báo đó được coi như là hai thước đo để đánh giá năng lực khoa học của một trung tâm nghiên cứu hay một cơ sở GDĐH. Trên cơ sở pháp lý của Nghị định 99, nhiều trường ĐH của Việt Nam đã có những chính sách hỗ trợ - thưởng cho giảng viên có bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín. Mức thưởng theo quy định và căn cứ vào nguồn tài chính của từng trường. Trường ĐH Quốc tế (ĐHQG TP.HCM) áp dụng cơ chế thưởng trung bình 1.500 USD cho mỗi bài báo tạp chí ISI đăng vượt yêu cầu, trao giải thưởng đơn vị học thuật của năm, giải thưởng giảng viên xuất sắc của năm… Hỗ trợ chi phí tham dự hội nghị, hội thảo chuyên ngành. Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐHQG TP. HCM) ưu tiên thực hiện chính sách cấp kinh phí công bố bài báo quốc tế chỉ số ISI là 15 triệu VNĐ và 450 tiết NCKH, bài ISSN quốc tế là 10 triệu VNĐ và 300 tiết NCKH *(Ngân Anh, 2015)*. Trong thời gian gần đây, có một số công trình nghiên cứu đã thống kê số lượng công bố bài bài quốc tế của các trường ĐH Việt Nam từ năm 2015, tức là sau khi Nghị định 99 chính thức có hiệu lực trong thực tế. Cụ thể: Đại học Quốc gia Hà Nội là 141 bài ISI; Đại học Bách Khoa Hà Nội là 138 bài báo ISI; Đại học Quốc gia Tp. HCM là 94 bài báo ISI; Đại học Tôn Đức Thắng là 73 bài ISI; Đại học Cần Thơ là 57 bài ISI và Đại học Sư Phạm Hà Nội là 51 bài *(Phương Thảo, 2015)*. Để tăng hiệu suất công bố quốc tế, các trường này đã có chiến lược đầu tư mạnh mẽ cho NCKH, tăng cường thu hút, xây dựng, bồi dưỡng và nâng cao chất lượng đội ngũ nghiên cứu cơ hữu một cách hiệu quả. Hơn nữa các trường có chế độ khen thưởng, khuyến khích NCKH tốt.

Kết quả khảo sát tại Trường ĐHSP và Trường ĐHNL cho thấy, hai Trường đã có những chính sách khuyến khích, hỗ trợ cho đội ngũ giảng viên (người có công bố bài báo quốc tế) tương đối cao. Mức hỗ trợ đối với các công bố bài báo quốc tế như đã đề cập ở trên, phần nào đã tạo động lực NCKH và công bố bài báo quốc tế ở đội ngũ, giảng viên, điều đó được thể hiện ở Bảng 8 dưới đây.

Bảng 8. Tỷ trọng công bố bài báo khoa học của đội ngũ giảng viên Trường Đại học Sư phạm trước so với sau khi áp dụng Nghị định 99

Công bố bài báo khoa học	Trước khi áp dụng Nghị định 99			Sau khi áp dụng Nghị định 99			Tăng, giảm (%)	
	2013	2014	Tổng	2015	2016	Tổng	Số lượng	%
Công bố bài báo trong nước	183	155	338	171	189	360	+22	+ 6,5
Công bố bài báo quốc tế	12	10	22	14	21	35	+13	+ 59,1

Nguồn: Kết quả thống kê của tác giả

Cùng với đó, tỷ trọng công bố bài báo quốc tế của ĐHNL cũng tăng đáng kể, chiếm 95% trước khi áp dụng Nghị định, điều này được thể hiện ở Bảng 9 dưới đây.

Bảng 9. Tỷ trọng công bố bài báo khoa học của đội ngũ giảng viên Trường Đại học Nông Lâm trước so với sau khi áp dụng Nghị định 99

Công bố bài báo khoa học	Trước khi áp dụng Nghị định 99			Sau khi áp dụng Nghị định 99			Tăng, giảm (%)	
	2013	2014	Tổng	2015	2016	Tổng	Số lượng	%
Công bố bài báo trong nước	101	84	185	89	147	236	+ 51	+ 27,6
Công bố bài báo quốc tế	13	27	40	29	48	78	+38	+ 95

Nguồn: Kết quả thống kê của tác giả

Tỷ lệ công bố bài báo quốc tế trước và sau khi áp dụng Nghị định 99 tại hai cơ sở GDĐH thành viên của ĐHTN và những thông tin định tính thu được từ phương pháp phỏng vấn sâu giảng viên - đối tượng thụ hưởng trực tiếp từ chính sách này và tác nhân có liên quan - cán bộ quản lý hoạt động KH&CN và cán bộ lãnh đạo trong trường ĐH, có thể đi đến một kết luận rằng: Quy định về khuyến khích công bố bài báo quốc tế của Nghị định 99 đã phần nào góp phần làm cho hoạt động KH&CN, đặc biệt là công bố bài báo quốc tế của các trường ĐH có xu hướng tăng nhanh trong thời gian vừa qua, kết quả này là phù hợp với mục tiêu mong muốn hướng tới của những nhà hoạch định chính sách này.

Thứ hai, Nghị định 99 được ban hành cũng đã góp phần tăng quyền tự chủ về nguồn kinh phí dành cho hoạt động KH&CN trong trường ĐH. Kết quả khảo sát tại Trường ĐHNL cho thấy, tổng nguồn kinh phí dành cho đề tài NCKH các cấp đã tăng lên đáng kể so với trước khi áp dụng Nghị định 99, do nguồn kinh phí được trích lại từ 5% nguồn thu hợp pháp của Nhà trường và 3% nguồn thu học phí từ người học (theo Nghị định 99), được thể hiện ở Biểu đồ 1 dưới đây.

Trong đó, chi cho hoạt động NCKH của sinh viên cũng có sự tăng lên đáng kể sau khi áp dụng Nghị định. Nếu trước khi Nghị định ban hành, năm 2013, tổng kinh phí dành cho đề tài NCKH sinh viên là 141 triệu VNĐ, năm 2014 tăng lên 176 triệu VNĐ), thì sau khi Nghị định ban hành, kinh phí dành cho hoạt động NCKH của sinh vên năm 2015 tăng lên 250 triệu VNĐ và năm 2016 là 289 triệu VNĐ.

Biểu đồ 1. Kinh phí dành cho nhiệm vụ KH&CN các cấp trước và sau khi áp dụng Nghị định 99 của Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

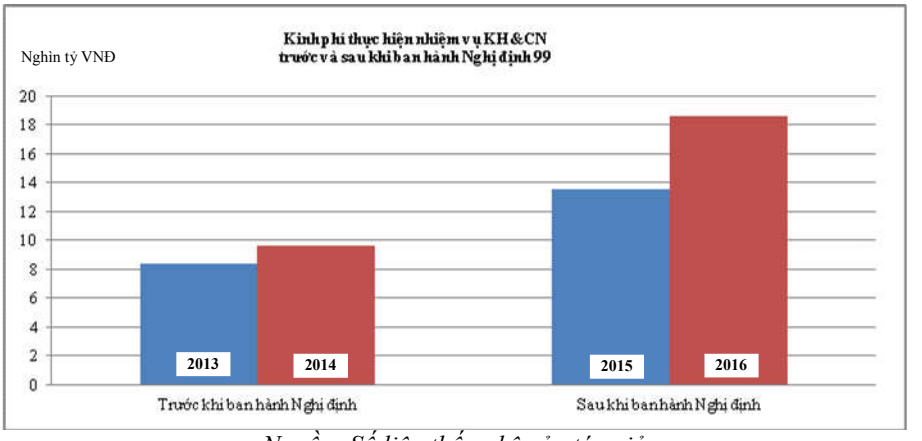

Nguồn: Số liệu thống kê của tác giả

Kết quả khảo sát ở Trường ĐHSP cũng cho thấy, năm 2016 với 5% kinh phí được trích từ nguồn thu hợp pháp theo quy định của Nghị định 99, Trường ĐHSP đã phân bổ tỷ lệ đầu tư phát triển và khuyến khích hoạt động KH&CN tại trường được thể hiện ở Bảng 10 dưới đây.

Bảng 10. Tỷ lệ phân chia kinh phí đầu tư tiềm lực và khuyến khích cho hoạt động KH&CN của Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên.

đơn vị: VNĐ

TT	**Kinh phí tối thiểu 5% từ nguồn thu hợp pháp của cơ sở giáo dục ĐH để đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KH&CN**	2.050.000.000
1	Chi kinh phí thực hiện đề tài cấp cơ sở	466.000.000
2	Chi hỗ trợ công bố báo khoa học cho giảng viên	250.000.000
3	Chi khác về hợp tác KH&CN với đối tác mới	100.000.000
4	Chi hội đồng xét duyệt đề tài KH&CN các cấp	35.000.000
5	Chi hoạt động kiểm tra, giám sát thực hiện các nhiệm vụ NCKH	35.000.000
6	Chi đề án xây dựng tạp chí KH&CN mới	100.000.000
7	Tổ chức hội nghị, hội thảo, seminar chuyên đề các ngành trong Trường	150.000.000
8	Xây dựng quy chế KH&CN	40.000.000
9	Các đề tài NCKH trọng điểm cho công tác quản lý cấp Trường	430.000.000
10	Trang thiết bị phục vụ NCKH	444.000.000

Nguồn: Báo cáo tài chính của trường ĐH Sư phạm Thái Nguyên 2016

Quy định được trích lại 5% từ nguồn thu hợp pháp và 3% nguồn thu từ học phí của Nghị định 99, đã tạo điều kiện để cho các trường ĐH tăng tính chủ động, sáng tạo để tăng nguồn thu hợp pháp, từ đó có thêm nguồn kinh phí dành cho hoạt động KH&CN cũng như đầu tư phát triển các tiềm lực KH&CN. Hay nói một cách khác, Nghị định 99 tạo điều kiện cho các trường ĐH được tự chủ hơn trong việc chi cho các nhiệm vụ KH&CN.

Thứ ba, Nghị định 99 được ban hành cũng góp phần tăng tỷ trọng các đề tài lớn, tạo ra các sản phẩm khoa học và sản phẩm ứng dụng nhiều hơn. Tỷ trọng đề tài NCKH cấp Bộ của Trường ĐHNL có xu hướng tăng sau khi áp dụng Nghị định, được thể hiện ở Bảng 11 dưới đây.

Bảng 11. Tỷ trọng nhiệm vụ KH&CN các cấp trước so với sau khi áp dụng Nghị định 99 của Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

Nhiệm vụ KH&CN các cấp tại Trường ĐHNL	**Trước khi áp dụng Nghị định 99**			**Sau khi áp dụng Nghị định 99**			**Tăng, giảm (%)**	
	2013	**2014**	**Tổng**	**2015**	**2016**	**Tổng**	**Số lượng**	**%**
Đề tài NCKH cấp Nhà nước	6	09	15	08	7	15	0	0
Đề tài NCKH cấp Bộ	13	10	23	14	17	31	+ 8	+ 34,8
Đề tài NCKH cấp ĐH	27	17	44	20	3	23	- 21	- 47,7
Đề tài NCKH cấp cơ sở	95	32	127	29	40	69	-58	-45,7

Nguồn: Kết quả thống kê của tác giả

Còn kết quả khảo sát tại Trường ĐHSP cho thấy, đề tài cấp Bộ và cấp Nhà nước đều tăng. Trong đó, tỷ trọng đề tài cấp Bộ (tăng 80%) so với trước khi áp dụng Nghị định 99 được thể hiện ở Bảng 12 dưới đây.

Bảng 12. Tỷ trọng nhiệm vụ KH&CN các cấp trước so với sau khi áp dụng Nghị định 99 của Trường Đại học Sư phạm

Nhiệm vụ KH&CN các cấp	**Trước khi áp dụng Nghị định 99**			**Sau khi áp dụng Nghị định 99**			**Tăng, giảm (%)**	
	2013	**2014**	**Tổng**	**2015**	**2016**	**Tổng**	**Số lượng**	**%**
Đề tài NCKH cấp Nhà nước	0	01	01	01	02	03	+2	+ 200
Đề tài NCKH cấp Bộ	5	5	10	12	07	19	+9	+ 80
Đề tài NCKH cấp ĐH	15	18	33	11	11	22	-11	-33,4
Đề tài NCKH cấp cơ sở	46	54	100	14	26	40	-60	-60

Nguồn: Kết quả thống kê của tác giả

Thứ tư, Nghị định 99 được ban hành góp phần thúc đẩy hoạt động CGCN trong trường ĐH tăng lên, từ đó, góp phần tăng nguồn thu từ hoạt động KH&CN qua các hợp đồng chuyển giao sản phẩm công nghệ. Tỷ trọng kết quả NCKH được chuyển giao vào thực tiễn của Trường ĐHNL trước và sau khi áp dụng Nghị định, được thể hiện ở Bảng 13 dưới đây.

Bảng 13. Kết quả chuyển giao công nghệ CGCN của Trường Đại học Nông Lâm trước và sau khi áp dụng Nghị định 99

Kết quả CGCN	Trước khi áp dụng Nghị định 99			Sau khi áp dụng Nghị định 99			Tăng, giảm (%)	
	2013	2014	Tổng	2015	2016	Tổng	Số lượng	%
- Số chương trình CG	30	53	83	62	45	107	+ 24	+ 28
- Kinh phí cấp *(triệu đồng)*	27.322	16.357	45.697	42.634	33.049	75.683	+ 29.996	+ 65,6

Nguồn: Kết quả thống kê của tác giả

Thứ năm, Nghị định 99 còn góp phần thúc đẩy, nâng cao hàm lượng khoa học của các sản phẩm khoa học ở chu kỳ sau của hoạt động NCKH, thể hiện ở việc giảng viên muốn được thưởng nhiều hơn thì cần phải đầu tư hơn nữa cho những đề tài nghiên cứu tiếp theo, đầu tư để có nhiều sản phẩm khoa học được công bố quốc tế.

3.3.2. Những tác động không mong muốn của Nghị định số 99/2014/NĐ-CP

Ngoài những tác động tích cực kể trên thì Nghị định 99 còn có những tác động không mong muốn đến hoạt động KH&CN trong trường ĐH.

Thứ nhất, Nghị định 99 quá chú trọng đến khuyến khích trả tiền cho bài báo công bố quốc tế dẫn đến số lượng bài báo đăng tải trên tạp chí quốc tế ISI uy tín cao giảm đi còn số lượng bài báo đăng trên tạp chí quốc tế ISI uy tín thấp tăng lên *(Lê Văn, 2016)*. Chúng ta đều biết việc công bố bài báo trên tạp chí quốc tế là một công việc hết sức khó khăn và thách thức bởi quá trình bình duyệt rất khắc khe, vì mong muốn có nhiều công trình công bố bài báo quốc tế để tăng thu nhập cho bản thân khiến một bộ phận giảng viên có tâm lý thực dụng, chạy theo số lượng mà hạ thấp chất lượng công bố bằng việc công bố tại những tạp chí có uy tín thấp; nhiều nhóm nghiên cứu mạnh xé lẻ thành các nhóm nhỏ để xin đề tài, nâng cao thu nhập. Do đó, có thể dẫn đến nguy cơ biến dạng trong nghiên cứu cơ bản, khó vươn lên trình độ quốc tế và khu vực mà có xu hướng yên vị với tốp dưới trong KH&CN - cũng có thể gọi là "ngưỡng trung bình" trong KH&CN. Mặc dù, có thể coi đây là tác động âm tính của Nghị định nhưng nó chỉ là tác động âm tính ngắn hạn đến hoạt động KH&CN trong trường ĐH. Xét về dài hạn thì tác

động âm tính này lại chuyển thành tác động dương tính, bởi nhờ kinh nghiệm có được từ công bố bài báo khoa học ở những tập san quốc tế ISI có chất lượng chưa cao, sẽ giúp giảng viên có được những công bố bài báo khoa học trên các tạp chí uy tín có chất lượng cao trong thời gian sau đó.

Thứ hai, Nghị định 99 cũng quá chú trọng đến khuyến khích sản phẩm khoa học (là bài báo khoa học) mà chưa quan tâm đến khuyến khích các sản phẩm khoa học ứng dụng vào thực tiễn (dưới dạng là các sáng chế và giải pháp hữu ích). Theo kết quả khảo sát của tác giả, sau khi áp dụng Nghị định, số lượng sản phẩm khoa học được bảo hộ là sáng chế hay giải pháp hữu ích của Trường ĐHNL khá khiêm tốn. Năm 2016 chỉ có 06 sản phẩm khoa học được đăng ký bảo hộ bằng độc quyền sáng chế, nhưng số lượng công bố quốc tế của ĐHNL tăng lên một cách đáng kể.

Thứ ba, Nghị định 99 không tác động đến việc khởi nghiệp từ khoa học cho sinh viên trong trường ĐH. Nghị định có chính sách hỗ trợ giảng viên NCKH, hỗ trợ đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm khoa học là sáng chế, giải pháp hữu ích nhưng lại không có một điều khoản nào quy định về mức khuyến khích - hỗ trợ cho sinh viên khởi nghiệp từ NCKH. Khuyến khích khởi nghiệp cho sinh viên thông qua hoạt động NCKH góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường, đồng thời, góp phần đưa sản phẩm NCKH của sinh viên đến với thực tiễn hơn bằng việc doanh nghiệp có thể sử dụng sản phẩm khoa học của sinh viên để phát triển doanh nghiệp của họ.

Thứ tư, Nghị định 99 quy định cả về đầu tư tiềm lực cho KH&CN trong các cơ sở GDĐH nhưng quy định này lại chưa được thực hiện hiệu quả. Mặc dù, các trường ĐH, trong đó có hai trường đại học thành viên của ĐHTN là Trường ĐHSP và Trường ĐHNL đã vận dụng một số cơ sở pháp lý của Nghị định vào thực tiễn, chẳng hạn với khoản 5% nguồn thu hợp pháp của Nhà trường giữ lại để đầu tư cho hoạt động KH&CN, thì các trường ĐH chỉ chú trọng vào chi khuyến khích công bố bài báo quốc tế của giảng viên, còn chi cho các hoạt động khác như đầu tư cho cơ sở vật chất, cho nhóm nghiên cứu, cho sinh viên NCKH, hội thảo, hội nghị còn hạn chế. Nguyên nhân là do nguồn thu của các trường ĐH, trong đó có Trường ĐHNL và Trường ĐHSP có được từ nguồn học phí và các nguồn thu khác còn ít nên khi nộp về ngân sách cấp trên thì nguồn kinh phí giữ lại thường không còn nhiều, do đó ảnh hưởng đến việc thực hiện quy định của Nghị định.

3.4. Một số khuyến nghị góp phần hạn chế những tác động không mong muốn của Nghị định số 99/2014/NĐ-CP

Qua đánh giá tác động của Nghị định 99 đến hoạt động KH&CN ở hai trường đại học thành viên của Đại học Thái Nguyên, có thể thấy rõ Nghị

định 99 có những tác động tích cực cũng như những tác động không mong muốn. Do đó, việc đề xuất các giải pháp nhằm khắc phục những tác động không mong muốn của Nghị định 99 để góp phần thúc đẩy hoạt động KH&CN trong trường ĐH phát triển trong thời gian tới là cần thiết.

** Khuyến nghị khắc phục tình trạng việc giảng viên chạy theo số lượng công bố bài báo quốc tế mà không chú trọng đến chất lượng tạp chí công bố.*

- *Về phía Nhà nước*: Cần ban hành thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định, đồng thời có sửa đổi, bổ sung điều khoản quy định về xếp hạng tạp chí và tính điểm đối với các công bố quốc tế để khuyến khích công bố trên các tạp chí ISI có uy tín và hạn chế công bố trên tạp chí quốc tế (ít uy tín). Gần đây, trong một công trình nghiên cứu của tác giả Nguyễn Ngọc Châu cho rằng, không thể đánh đồng một bài báo trên tạp chí ISI có uy tín (IF cao) với một bài ISI uy tín thấp (IF thấp) và có đề xuất thang bậc cho điểm khác nhau đối với các tạp chí quốc tế, *cụ thể: a/ Bài báo công bố trên tạp chí ISI uy tín có IF từ 5-10 được tính 5 điểm, IF > 10 được tính 10 điểm; b/ Đối với bài báo công bố trong danh sách tạp chí ISI do NAFOSTED chọn có IF < 5 được tính 3 điểm; c/ Bài báo công bố trên các tạp chí quốc tế khác tính 1,5 điểm (Nguyễn Ngọc Châu)*. Nghị định 99 có quy định mức tiền thưởng cho một bài báo công bố trên tạp chí quốc tế ISI có uy tín không quá 30 lần mức lương cơ sở chung. Vì vậy, có thể xem xét bổ sung thêm quy định về thang điểm đối với các tạp chí quốc tế như nêu ở trên.
- *Về phía trường đại học*: Ban lãnh đạo nhà trường cần nâng cao nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của hoạt động KH&CN trong trường ĐH. Đồng thời, cũng cần phải nhận thấy rằng năng suất công bố bài báo quốc tế không phải là yếu tố duy nhất, hơn nữa số lượng công bố bài báo quốc tế nhiều nhưng chỉ đăng ở những tạp chí quốc tế uy tín thấp thì cũng không thể khẳng định được uy tín, thương hiệu của nhà trường. Trong khi kết quả hoạt động CGCN từ các kết quả NCKH vào phục vụ đời sống cũng góp phần khẳng định được uy tín và thương hiệu của nhà trường. Do vậy, trong thời gian tới các trường ĐH vẫn nên tiếp tục thực hiện những chính sách khuyến khích, hỗ trợ công bố bài báo quốc tế cho giảng viên. Tuy nhiên, mức khuyến khích, hỗ trợ cần được tập trung đến các bài báo công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín cao và cần quy định rõ trong quy chế đặt hàng các đề tài NCKH của nhà trường.

** Khuyến nghị khắc phục tình trạng giảng viên chỉ quan tâm đến sản phẩm khoa học là bài báo công bố quốc tế mà không chú trọng đến sản phẩm khoa học dưới dạng sáng chế, giải pháp hữu ích.*

- *Về phía Nhà nước*: Cần có cơ chế khuyến khích các trường ĐH tăng cường hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền tác giả cho sản phẩm khoa học do

đội ngũ cán bộ, giảng viên tạo ra, nhằm tạo sức lan tỏa như việc hỗ trợ công bố bài báo quốc tế. Tác giả đề xuất bổ sung thêm quy định cơ sở GDĐH phải có số lượng sáng chế và giải pháp hữu ích được đăng ký bảo hộ hàng năm ở Điều 6 của Nghị định 99 quy định về các điều kiện cho đối tượng ưu tiên đầu tư.

- *Về phía trường ĐH*: Trong chiến lược, kế hoạch hoạt động KH&CN của trường, cần tập trung ưu tiên định hướng nghiên cứu phục vụ sản xuất, kinh doanh. Ban hành quy chế đặt hàng nhiệm vụ KH&CN của trường, trong đó có quy định chỉ đặt hàng các đề tài NCKH có sản phẩm khoa học dưới dạng bài báo công bố quốc tế và sáng chế hoặc giải pháp hữu ích. Bên cạnh đó, nhà trường cũng cần ban hành quy định về mức hỗ trợ, khuyến khích cho một sáng chế hoặc một giải pháp hữu ích được bảo hộ của giảng viên tương đương với mức hỗ trợ, khuyến khích công bố bài báo quốc tế ISI có uy tín cao, ngoài 50% kinh phí hỗ trợ phí đăng ký bảo hộ quyền tác giả.

Ngoài ra, Nhà nước cần bổ sung thêm cơ chế chính sách nhằm hỗ trợ giảng viên, sinh viên tham gia khởi nghiệp thông qua hoạt động NCKH, cũng như có những chính sách khuyến khích hỗ trợ các doanh nghiệp gắn kết với các trường ĐH. Sự gắn kết đó không chỉ mang lại lợi ích trước hết là cho nhà trường mà còn góp phần nâng cao uy tín của nhà trường trong xã hội.

Một điều dễ nhận thấy là Nghị định 99 có xu hướng tập trung đầu tư để tạo ra sản phẩm khoa học (bài báo), nghĩa là đầu tư vào phần ngọn chứ không phải phần gốc của hoạt động nghiên cứu khoa học. Việc đầu tư vào phần ngọn đưa đến những hệ lụy đã được phân tích ở trên, theo đó tác giả cho rằng, Nhà nước cần chuyển dần từ đầu tư cho sản phẩm khoa học (bài báo) sang đầu tư vào nhiệm vụ KH&CN. Có đầu tư cho phần gốc tốt thì sẽ cho phần ngọn tốt, điều đó có nghĩa các nhiệm vụ KH&CN được đầu tư thỏa đáng sẽ góp phần tạo ra các sản phẩm khoa học có chất lượng tốt. Các sản phẩm khoa học không chỉ là bài báo mà còn là các sáng chế, giải pháp hữu ích góp phần đáp ứng tốt hơn nhu cầu của sản xuất và của xã hội.

Kết luận

Thông qua việc khảo sát thực trạng hoạt động KH&CN của hai trường ĐH thành viên của Đại học Thái Nguyên sau khi áp dụng Nghị định 99 cho thấy Nghị định 99 đã và đang tạo ra những tác động tích cực nhằm thúc đẩy hoạt động KH&CN trong trường ĐH, nhất là hoạt động công bố bài báo quốc tế. Tuy nhiên, vẫn còn một số tác động ngược lại với mục tiêu của Nghị định 99 là một bộ phận giảng viên có tâm lý thực dụng, chạy theo số lượng mà hạ thấp chất lượng công bố bằng việc công bố tại những tạp chí có uy tín thấp; nhiều nhóm nghiên cứu mạnh xé lẻ thành các nhóm nhỏ để xin kinh

phí cho đề tài, nâng cao thu nhập hay việc giảng viên chỉ chú ý đến sản phẩm khoa học là công bố bài quốc tế để tăng thu nhập cho cá nhân, mà coi nhẹ đến việc phát triển các sản phẩm khoa học áp dụng vào thực tiễn hoặc Nghị định 99 không có quy định khuyến khích sinh viên khởi nghiệp từ khoa học trong trường ĐH. Trên cơ sở đó, bài viết đã đề xuất một số khuyến nghị nhằm hạn chế những tác động không mong muốn kể trên của Nghị định 99 đến hoạt động KH&CN, qua đó góp phần nâng cao chất lượng hoạt động KH&CN của trường ĐH trong thời gian tới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học.
2. Quyết định số 744/QĐ-ĐHNL ngày 29/6/2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên về việc quy định quản lý nhiệm vụ KH&CN theo đặt hàng của Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.
3. Quyết định số 498/QĐ-ĐHSP ngày 26/02/2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên về Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2016 của Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
4. Quyết định số 646/QĐ-ĐHNL, ngày 31/5/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm về việc ban hành Quy định về công tác quản lý hoạt động KH&CN của Trường Nông Lâm Thái Nguyên.
5. Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên. Báo cáo tổng kết hoạt động KH&CN giai đoạn 2010-2016.
6. Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên. Báo cáo tổng kết hoạt động KH&CN giai đôạn 2010-2016.
7. Nguyễn Ngọc Châu. "*Xếp hạng tạp chí và tính điểm bài báo - Một giải pháp nâng cao chất lượng công bố"*, <http://tapchikhgdkt.hcmute.edu.vn/ArticleId/bc1c016b-e76e-46a5-adbb-c6f1f52c62c4/xep-hang-tap-chi-va-tinh-diem-bai-bao-mot-giai-phap-nang-cao-chat-luong-cong-bo>.
8. Ngân Anh. 2015. "Những trường đại học chi trăm triệu cho bài báo công bố quốc tế", xem 10/12/2015 <http://www.vnptdongnai.vn/detail/nhung-truong-dh-chi-tram-trieu-cho-bai-bao-cong-bo-quoc-te/840523/l0>.
9. Phương Thảo. 2015. "Thông tin bất ngờ về năng suất nghiên cứu khoa học ở một số đại học lớn", xem 19/09/2015 <https://vozforums.com/showthread.php?t=4362975>.
10. Lê Văn. 2016. Công bố quốc tế của Việt Nam: Lượng tăng nhưng chất giảm*, xem 13/06/2016* <http://vietnamnet.vn/vn/giao-duc/khoa-hoc/cong-bo-quoc-te-cua-viet-nam-luong-tang-nhung-chat-giam-308651.html>.